

Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang Quý I năm 2023

Thứ tư, Ngày 29 Tháng 3 Năm 2023

Quý I năm 2023, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục phục hồi và phát triển; Bên cạnh những thuận lợi vẫn còn không ít khó khăn, thách thức như: thời tiết bất thường, tình hình giá một số mặt hàng thiết yếu, giá nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất tăng cao,... tác động trực tiếp đến tình hình kinh tế - xã hội. Với quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, ngay trong quý I năm 2023, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành, từng địa phương; đề ra các giải pháp chủ yếu thực hiện; tập trung tổ chức cho Nhân dân vui xuân đón Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023, được các tổ chức trong hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng thực hiện. Kết quả thực hiện trên các lĩnh vực như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ

1. Tài chính - Ngân hàng:

a. Tài chính:

Tổng thu ngân sách nhà nước quý I ước tính thu được 7.389 tỷ đồng; trong đó: thu ngân sách trên địa bàn ước thu 2.723 tỷ đồng, đạt 26,5% dự toán và tăng 7,9% so cùng kỳ; thu nội địa 2.668 tỷ đồng, đạt 26,9% dự toán, tăng 8,1% so cùng kỳ (*trong thu ngân sách trên địa bàn: thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 820 tỷ đồng, đạt 25,2% dự toán, tăng 15,2% so cùng kỳ; thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 368 tỷ đồng, đạt 32% dự toán, tăng 18,9% so cùng kỳ, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 552 tỷ đồng, đạt 30,7% dự toán, tăng 37,2% so cùng kỳ...*).

Tổng chi ngân sách nhà nước quý I là 4.996 tỷ đồng; *trong đó: chi đầu tư phát triển 1.852 tỷ đồng, đạt 35% dự toán; chi hành chính sự nghiệp 1.538 tỷ đồng, đạt 19,9% dự toán và giảm 8,9% so cùng kỳ.*

b. Ngân hàng:

Trong tháng mặt bằng lãi suất trên địa bàn tỉnh ổn định tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Các tổ chức tín dụng chấp hành nghiêm mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi. Đến cuối tháng 02/2023: Lãi suất huy động tối đa bằng VND đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 6 tháng (0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng áp dụng cho ngân hàng thương mại (NHTM), 4,5%/năm áp dụng cho Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính việt nam); lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức trên 9-11%/năm đối với ngắn hạn (chiếm 41,07% tổng dư nợ ngắn hạn VND); trên 11-13%/năm đối với trung dài hạn (chiếm 43,26% tổng dư nợ TDH VND). Ước tính đến cuối tháng 03/2023, tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn đạt 89.009 tỷ, tăng 1,45% so với cuối năm 2022; tổng dư nợ đạt 87.707 tỷ tăng 1,96%.

Tổng dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn tỉnh đến cuối tháng 03/2023 ước tính đạt 87.707 tỷ, tăng 1,96% so với cuối năm 2022. Nợ xấu ước tính đến cuối tháng 03/2023, số dư là 785 tỷ đồng, tỷ lệ nợ 0,90%, tăng 0,21% so với cuối năm 2022. Nhìn chung các ngân hàng phát sinh nợ xấu trong giới hạn an toàn với tỷ lệ thấp.

Quỹ tín dụng nhân dân: quỹ tín dụng nhân dân hoạt động ổn định, các chỉ tiêu đều đạt mức tăng trưởng. Một số kết quả đạt được trong tháng 02/2023 so với cuối năm 2022 như sau: Nguồn vốn hoạt động đạt 1.382 tỷ đồng, tăng 406 tỷ, tăng 0,1%, trong đó vốn huy động chiếm 87%; Dư nợ cho vay đạt 1.025 tỷ, giảm 13,7 tỷ, giảm 1,32%, trong đó dư nợ ngắn hạn giảm 1,32%, chiếm 45% tổng dư nợ; Nợ xấu số dư 3,7 tỷ, giảm 3,3 tỷ, tỷ lệ nợ xấu giảm 0,36%, giảm 0,312% so với cuối năm 2022.

2. Giá cả, lạm phát:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 03/2023 giảm 0,03% so tháng 02/2023 (thành thị giảm 0,01%, nông thôn giảm 0,04%); so cùng kỳ tăng 2,61%. Giá xăng dầu, gas giảm theo giá nhiên liệu thế giới; ngoài ra dịch bệnh trên đàn gia súc của địa phương được kiểm soát tốt, nguồn cung thịt lợn, thịt bò hơi dồi dào nên giá giảm.

So với tháng 02/2023, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 03 nhóm giảm như: bưu chính viễn thông giảm 0,05%; giao thông giảm 0,19% và hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,29%. Có 7 nhóm hàng tăng: đồ uống và thuốc lá tăng 0,32%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,35%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,19%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06%; thuốc, dịch vụ y tế tăng 0,01%; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,19%; hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,21%. Riêng chỉ số giá nhóm giáo dục ổn định.

Một số mặt hàng có chỉ số giá giảm so với tháng trước kèm hãm tốc độ tăng CPI của tỉnh:

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,29%, trong đó nhóm hàng thực phẩm giảm 0,57% so với tháng trước, góp phần làm CPI chung giảm 0,12 điểm phần trăm. Giá giảm tập trung ở một số mặt hàng: thịt lợn; thịt bò; trứng các loại; Giá rau tươi, khô và chế biến... Nguyên nhân giảm do dịch tả lợn châu Phi tại địa phương được kiểm soát tốt, nguồn cung thịt lợn được đảm bảo; thịt bò đông lạnh nhập khẩu về Việt Nam nhiều; trứng các loại nguồn cung dồi dào; thời tiết vụ Đông Xuân thuận lợi sinh trưởng tốt nên giá rau tươi, khô và chế biến giảm.

- Nhóm giao thông giảm 0,19%, do từ đầu năm 2023 nhóm mặt hàng này có chỉ số giá tăng liên tục, nhưng đến nay, do giá dầu của thế giới giảm, nên giá xăng dầu trong nước cũng điều chỉnh giảm theo.

- Nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,05%, do giá máy điện thoại di động thông minh thế hệ cũ giảm...

Bên cạnh đó, có một số mặt hàng có chỉ số giá tăng như:

- Nhóm may mặc và giày dép tăng 0,35%, do chi phí và giá nguyên liệu đầu vào tăng như: vải các loại tăng 0,5%, quần áo may sẵn tăng 0,36%, giày dép tăng 0,41% và dịch vụ sửa giày dép tăng 0,73%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,06% giá tăng tập trung vào một số mặt hàng như: máy điều hoà nhiệt độ tăng 0,2%; đồ dùng bằng kim loại tăng 1,38%, dụng cụ làm vườn tăng 2,53% (do giá sắt, thép tăng)...

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01% do thời tiết giao mùa, các loại vi rút gây bệnh sinh sôi mạnh, người dân dễ mắc bệnh hô hấp nên nhu cầu mua các loại thuốc tăng cường hệ miễn dịch tăng, theo đó giá nhóm thuốc chống viêm nhiễm điều trị ký sinh trùng tăng 0,05%; thuốc tim mạch tăng 0,02% và nhóm thuốc chống dị ứng tăng 0,16%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý I/2023 so cùng kỳ tăng 3,17%; một số nhóm hàng có chỉ số tăng nhiều trong quý so cùng kỳ quý I/2022 như: giáo dục 7,81%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống 4,85%, trong đó lương thực 4,25%, thực phẩm 4,58%, ăn uống ngoài gia đình 5,89%; Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng 4,24%; May mặc, mũ nón, giày dép 3,34%...

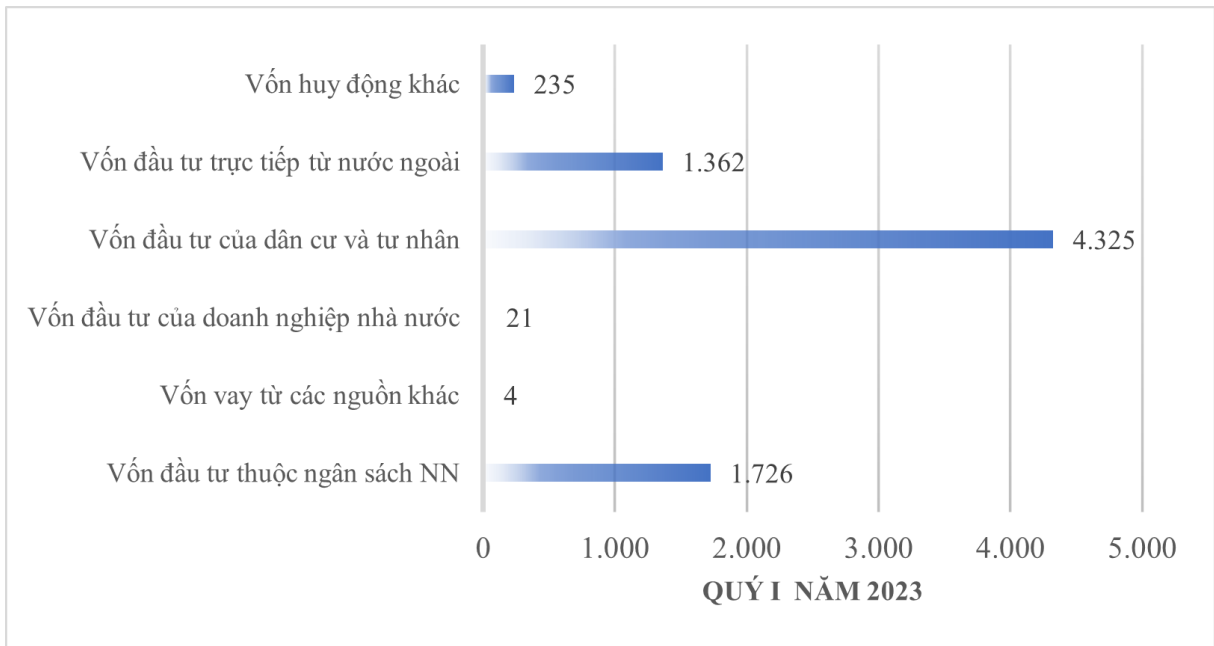
Chỉ số giá vàng 24 kara Ngọc Thẩm trong tháng 3/2023 giảm 0,89% so tháng trước, giá bình quân tháng 03/2023 là 5.463 ngàn đồng/chỉ, giảm 98 ngàn đồng/chỉ so cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ trong tháng 03/2023 tăng 0,56% so tháng trước, giá bình quân 23.856 đồng/USD, tăng 869 đồng/USD so cùng kỳ.

3. Đầu tư và Xây dựng:

Vốn đầu tư toàn xã hội quý I/2023, ước thực hiện 7.673 tỷ đồng, đạt 16,7% kế hoạch, tăng 10,4% so cùng kỳ (*trong đó: vốn đầu tư xây dựng cơ bản 5.258 tỷ đồng, chiếm 68,5% vốn đầu tư toàn xã hội, tăng 15,6% so cùng kỳ; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động 764 tỷ đồng, chiếm 9,9%, tăng 0,1%...*); bao gồm: vốn Nhà nước 1.726 tỷ đồng, tăng 7,8%; vốn ngoài Nhà nước 4.325 tỷ đồng, tăng 14,5%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 1.362 tỷ đồng, giảm 2,8% so cùng kỳ.

Hình 1. Vốn đầu tư toàn xã hội



Tổng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý quý I/2023 là 714 tỷ đồng, đạt 13,6% kế hoạch, tăng 18,7% so cùng kỳ; gồm có: vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 591 tỷ đồng, tăng 22,4%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện 104 tỷ đồng, tăng 2,7%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 19 tỷ đồng, tăng 10,9% so cùng kỳ.

Giá trị sản xuất ngành xây dựng quý I/2023 thực hiện 2.334 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010), tăng 7,48% so cùng kỳ; Giá nhiên liệu trong kỳ tăng cao, công tác giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn, ... đã ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng các công trình trên địa bàn tỉnh.

4. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp:

Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư, tổng số doanh nghiệp thành lập mới từ 01/01/2023 đến 9/3/2023 là 153 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký là 1.151 tỷ đồng, bao gồm vùng Trung tâm: 87 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký 884,6 tỷ đồng; vùng phía Tây: 44 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký 228,9 tỷ đồng; vùng phía Đông: 22 doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký 77,1 tỷ đồng. Đăng ký 124 đơn vị trực thuộc (24 chi nhánh, 97 địa điểm kinh doanh, 03 văn phòng đại diện); đăng ký giải thể 20 doanh nghiệp. Tính đến cuối tháng 3 năm 2023, ước tính toàn tỉnh 6.338 doanh nghiệp hoạt động; số hộ kinh doanh 69.396 hộ.

5. Sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản:

a. Nông nghiệp:

Tình hình xâm nhập mặn trong mùa khô năm 2022-2023 trên địa bàn tỉnh đến trễ hơn so với trung bình nhiều năm, độ mặn xấp xỉ năm 2022. Các giải pháp phòng chống hạn mặn được chủ động triển khai, đến nay tình hình hạn mặn không gây ảnh hưởng đến sản xuất. Sản xuất nông nghiệp trong quý tập trung chủ yếu chăm sóc lúa Đông xuân, gieo trồng cây hoa màu trên địa bàn tỉnh. Chăn nuôi cơ bản ổn định, có xu hướng phục hồi nhờ định hướng, hỗ trợ chuyển hướng chăn nuôi đúng đắn, kịp thời; ngành thủy sản cơ cấu lại ngành nghề khai thác; đa dạng

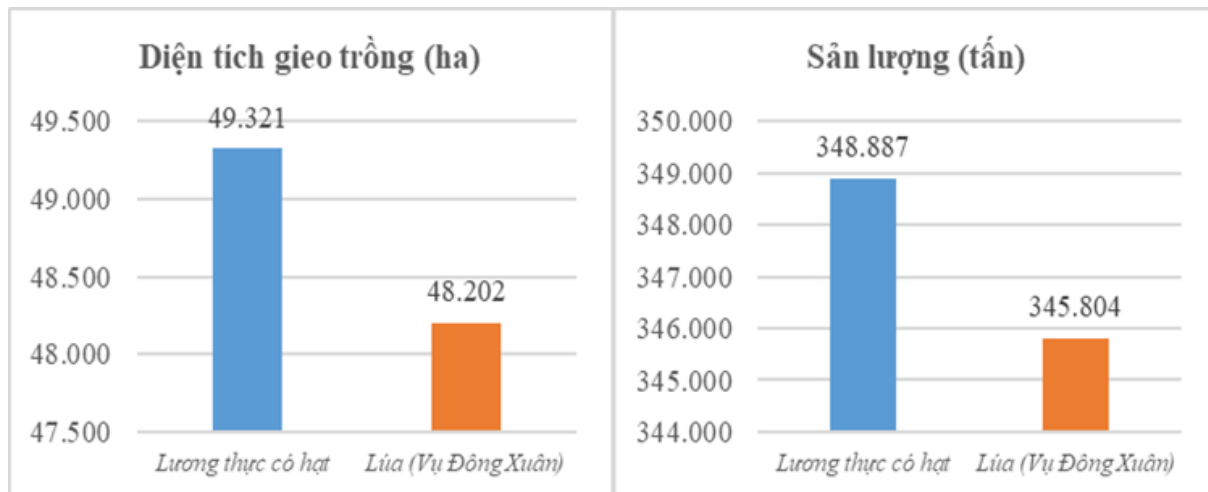
hóa đối tượng và phương thức nuôi phù hợp với lợi thế so sánh của từng vùng, địa phương.

*** Trồng trọt:**

- **Cây lương thực có hạt:** Ước tính đến cuối quý I năm 2023, gieo trồng 49.321 ha, đạt 37,6% kế hoạch, giảm 2,1% so cùng kỳ; sản lượng thu hoạch 348.887 tấn, đạt 43,8% kế hoạch, giảm 1,4% so cùng kỳ. Cụ thể:

- **Cây lúa:** Vụ Đông Xuân 2022 - 2023 chính thức xuống giống 48.202 ha, giảm 2% so cùng kỳ, diện tích gieo trồng giảm hầu hết ở các huyện, trong đó: TX. Gò Công giảm 150 ha, TX Cai Lậy giảm 91,8 ha, Tân Phước giảm 108,8 ha, Cái Bè giảm 303 ha, Châu Thành giảm 15,7 ha, Chợ Gạo giảm 37,3 ha, Gò Công Tây giảm 213,3 ha, Gò Công Đông giảm 80 ha. Do chuyển từ diện tích trồng lúa sang làm đường và trồng cây ăn quả cho giá trị kinh tế cao hơn như: sầu riêng, mít, thanh long, bưởi...; năng suất thu hoạch bình quân đạt 71,7 tạ/ha, tăng 0,7% so cùng kỳ, vùng lúa phía đông năng suất bình quân 67 tạ/ha, phía tây là 75,5 tạ/ha (cao nhất đạt 78,6 tạ/ha, thấp nhất đạt 72 tạ/ha); sản lượng thu hoạch 345.804 tấn, giảm 1,3% do diện tích gieo trồng giảm. Nhìn chung, người dân tuân thủ theo lịch thời vụ gieo sạ đã đề ra, đưa những giống lúa mới thích ứng nhanh với thời tiết và chất lượng cao vào sản xuất.

Hình 2. Cây lương thực có hạt đến ngày 15/3/2023



- **Cây ngô:** gieo trồng được 1.119 ha, đạt 46,2% kế hoạch, giảm 7,2% so cùng kỳ, diện tích giảm do quá trình đô thị hóa và chuyển sang trồng cây lâu năm; diện tích thu hoạch đạt 848 ha, đạt 35% kế hoạch, giảm 12,2%; năng suất thu hoạch ước đạt 36,4 tạ/ha, đạt 101% kế hoạch, tăng 1% với sản lượng đạt 3.083 tấn, đạt 35,4% kế hoạch, giảm 11,3% so cùng kỳ.

Cây rau đậu các loại: gieo trồng 26.464 ha, đạt 45,7% kế hoạch, giảm 2,5% so cùng kỳ; thu hoạch 23.772 ha, đạt 41,1% kế hoạch, giảm 1,1% với sản lượng 500.033 tấn, đạt 40,5% kế hoạch, tăng 0,2%. Trong đó: rau các loại gieo trồng đạt 26.326 ha, giảm 2,5%; thu hoạch 23.709 ha, giảm 1,1% với sản lượng 499.852 tấn, tăng 0,2% so cùng kỳ.

Cây lâu năm: Toàn tỉnh hiện có 104.940 ha cây lâu năm, đạt 98,9% kế hoạch, tăng 1,1% so cùng kỳ; diện tích tăng chủ yếu ở các loại cây: dứa 188 ha, sầu riêng 2.483 ha, mít 509 ha, ổi 15,4 ha, dứa 1.060 ha... Một số diện tích cây giảm như: xoài 701 ha, hồng xiêm 265 ha, thanh long 731 ha, cam 295 ha, chanh 281 ha; Sản lượng cây lâu năm quý I năm 2023 thu hoạch đạt 549.147 tấn, giảm 0,3% so cùng kỳ. Trong đó, cây ăn quả hiện có 82.353 ha, đạt 95,9% kế hoạch, tương đương so cùng kỳ; sản lượng cây ăn quả trong quý I thu hoạch đạt 449.085 tấn, giảm 0,6% so cùng kỳ, một số cây trồng giảm diện tích do cây trồng già cỗi hiệu quả thấp như: xoài, thanh long, cam, bưởi, nhãn... làm cho sản lượng giảm theo. Vườn cây ăn trái tiếp tục tăng, nhiều hộ nông dân các xã ở huyện phía tây và phía đông đã chuyển từ đất lúa sang trồng cây ăn quả ngày càng tăng vì cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao hơn cây lúa.

* **Chăn nuôi:** Ước thời điểm 01/3/2023 tổng đàn gia súc, gia cầm của tỉnh như sau: đàn bò 123,9 ngàn con, giảm 0,2% so cùng kỳ; đàn lợn 293,2 ngàn con, tăng 4,2% và đàn gia cầm 16,4 triệu con, giảm 6,6%. Trong quý I năm 2023, đàn bò giảm nhẹ so cùng kỳ; Chăn nuôi lợn được duy trì do kiểm soát tốt dịch bệnh, người chăn nuôi chủ động được nguồn giống và nhu cầu thị trường tăng nên hộ chăn nuôi đang tái đàn và tăng đàn, chủ yếu đàn lợn tăng ở các trang trại nuôi quy mô lớn; Đàn gia cầm giảm do giá gà trong thời gian 3 tháng trước Tết Nguyên đán năm 2023 (tháng 10,11,12 năm 2022) giảm mạnh, nuôi không lời nên hộ tạm nghỉ. Hiện nay hộ đang vệ sinh chuồng trại chuẩn bị tái đàn.

* **Tình hình dịch bệnh trên vật nuôi:** Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang:

Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi: trên địa bàn tỉnh ghi nhận 06 hộ có lợn mắc với tổng số lợn bệnh là 162 trên tổng đàn 250 con tại 06 xã/04 huyện (Cai Lậy; Tân Phước; Gò Công Tây; Gò Công Đông). Số lợn được tiêu hủy dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là 205 con với trọng lượng 6.638 kg.

Bệnh viêm da nổi cục: ghi nhận bò bệnh tại 03 hộ của 02 xã/02 huyện với 04 con bò bệnh trên tổng đàn 12 con.

Hình 3. Tình hình chăn tại thời điểm 01/3/2023



b. Lâm nghiệp:

Tổng diện tích rừng hiện có là 1.784,5 ha (không bao gồm diện tích rừng thuộc đất an ninh quốc phòng). Trong đó rừng phòng hộ 1.381,8 ha (huyện Gò Công Đông: 429,5 ha; huyện Tân Phú Đông: 896,9 ha và huyện Tân Phước: 55,4 ha); rừng sản xuất: 402,7 ha.

Ước tính đến cuối quý I năm 2023, toàn tỉnh thực hiện trồng mới được 1,6 ngàn cây các loại, tăng 7,4% so với cùng kỳ, trồng trên những tuyến đường đi mới và các trục đường giao thông được nâng cấp ở huyện Cai Lậy, Chợ Gạo.

Sản lượng gỗ khai thác quý I năm 2023 đạt 7.466 m³, giảm 3,8% so cùng kỳ; sản lượng củi khai thác đạt 20.428 ste củi các loại, giảm 3,9% so cùng kỳ. Do các hộ dân ở huyện Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, khai thác một số cây ăn quả đã già không cho trái, cho trái ít để chuyển đổi sang trồng cây ăn quả khác.

c. Thủy hải sản:

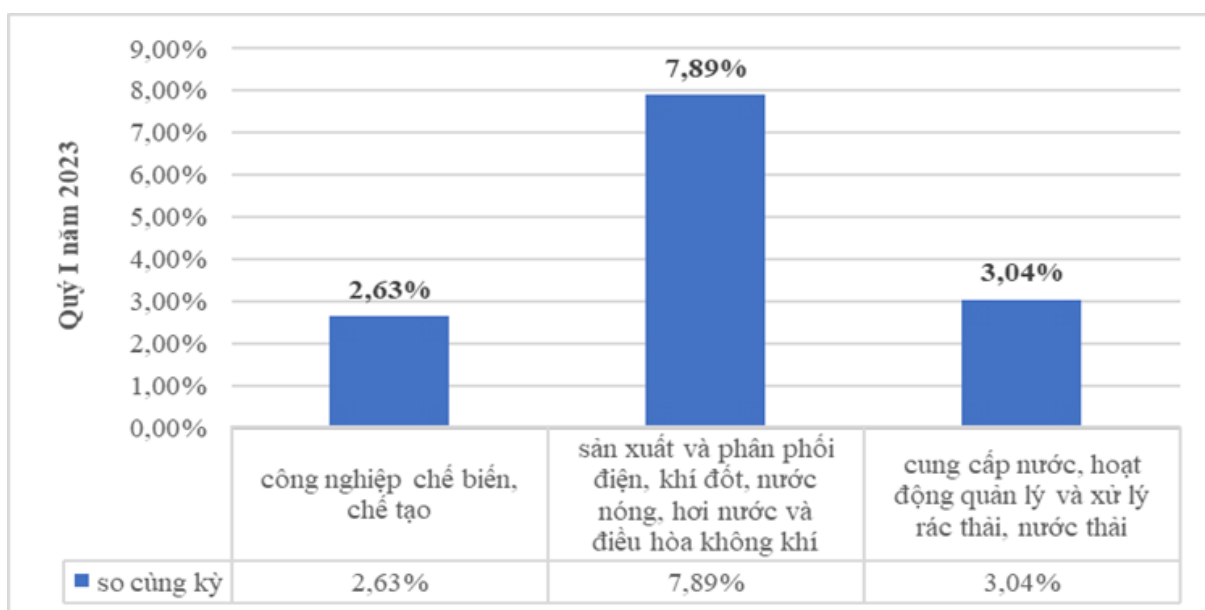
Diện tích nuôi thủy sản các loại trong quý I năm 2023 đạt 9.436 ha, đạt 64% kế hoạch, giảm 0,2% so cùng kỳ; trong đó: diện tích nuôi cá đạt 2.913 ha giảm 1,9%, diện tích nuôi tôm đạt 3.503 ha, tăng 1%; diện tích nuôi thủy sản khác đạt 3.020 ha tương đương so với cùng kỳ. Diện tích nuôi trồng thủy sản trong quý giảm chủ yếu ở diện tích nuôi cá tra, mặc dù giá cá tra đang có xu hướng tăng nhưng lo ngại đầu ra không ổn định, nhiều hộ vẫn chưa thả giống cho vụ nuôi mới.

Sản lượng thủy sản thu hoạch trong quý I đạt 63.580 tấn, giảm 13,3% so cùng kỳ; trong đó: sản lượng thu hoạch từ nuôi 36.957 tấn, tăng 3,2%; sản lượng khai thác 26.623 tấn, giảm 29,1%. Sản lượng thủy sản giảm chủ yếu do giá nhiên liệu cao dẫn đến sản lượng khai thác ít hơn so với cùng kỳ, những tháng đầu năm 2023 biển động liên tục, sóng lớn gây ảnh hưởng không nhỏ đến các đội tàu trong quá trình khai thác.

6. Sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I/2023 tăng 2,99% so với cùng kỳ, do các ngành chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh sản xuất tiếp tục ổn định và tăng so cùng kỳ; trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,63% (tập trung ở một số ngành chủ yếu sau: sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy 1,3 lần; công nghiệp chế biến, chế tạo khác 59,1%; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện 42,33%; sản xuất kim loại 35,19%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu 29,34%,...); ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 7,89%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,04%.

Hình 4. Chỉ số sản xuất công nghiệp



Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng 3/2023 giảm 0,4% so với tháng trước, (trong đó doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 0,76%, doanh nghiệp nhà nước tăng 1,53%, doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 1,45); tăng 0,82% so cùng kỳ, (trong đó doanh nghiệp nhà nước tăng 20,37%, doanh nghiệp ngoài quốc doanh tăng 4,46%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 0,23%) Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp quý I/2022 tăng 37,14% so cùng kỳ, (trong đó doanh nghiệp nhà nước giảm 3,37%, doanh nghiệp ngoài quốc doanh giảm 8,13%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 51,34%). Chia theo ngành công nghiệp thì ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 6,92%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 1,34%; cung cấp nước, hoạt động quản lý rác thải, nước thải giảm 0,46%.

Sản phẩm sản xuất công nghiệp quý I/2023: Có 18/39 sản phẩm tăng so cùng kỳ: Giày, dép thể thao có mũ bằng da và có đế ngoài tăng 77%; Thuốc chứa penicilin hoặc kháng sinh khác dạng bột/cốm tăng 63%; Đồ chơi hình con vật hoặc sinh vật không phải hình người tăng 59,1%; Phân vi sinh tăng 42,8%; Các sản phẩm bằng vật liệu tết bện khác tăng 42,3%; Ống và ống dẫn bằng đồng tăng

35,6%; Thuốc chứa penicilin hoặc kháng sinh khác dạng viên tăng 14,7%; Bộ com lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc tăng 9%; Điện thương phẩm tăng 7,9%; Bia đóng chai tăng 7,8%; Nước uống được tăng 3,9%; Tàu thuyền lớn chuyên chở người và hàng hóa có động cơ đẩy tăng 3,2%; Giày, dép thể thao có đế ngoài và mũ giày bằng cao su và plastic tăng 1,8%; Thức ăn cho gia súc tăng 0,1%;...

Có 21/39 sản phẩm giảm so cùng kỳ: Thuốc diệt cỏ, thuốc chống nẩy mầm và thuốc điều hòa sinh trưởng cây trồng giảm 58,9%; Thiết bị dùng cho dàn giáo, ván khuôn, vật chống hoặc cột trụ chống hầm lò bằng sắt, thép, nhôm giảm 37,8%; Dây thép không gỉ giảm 37,8%; Túi xách giảm 33,8%; Áo khoác dài, áo khoác không tay, áo khoác có mũ, áo gió cho người lớn dệt kim hoặc đan móc giảm 30,9%; Phi lê đông lạnh giảm 26,1%; Thức ăn cho thủy sản giảm 24,4%; Bia đóng lon giảm 10,9%; Dịch vụ tiện các bộ phận kim loại giảm 10,1%; Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế giảm 7,2%; Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép giảm 6,7%; ...

Chỉ số tiêu thụ tháng 3/2023 so với tháng trước tăng 3,54% và giảm 13,83% so cùng kỳ. Chỉ số tiêu thụ cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 3 năm 2023 giảm 9,24%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm so cùng kỳ: sản xuất chế biến thực phẩm giảm 22,92%, trong đó sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản giảm 18,94%; sản xuất trang phục giảm 67,59%; sản xuất da giảm 29,14%, trong đó sản xuất giày dép giảm 23,99%; sản xuất sản phẩm cao su và plastic giảm 22,09%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 61,15%; sản xuất thiết bị điện giảm 43,1%, trong đó sản xuất dây cáp, dây điện...giảm 77,41%... Bên cạnh đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng so cùng kỳ là: sản xuất đồ uống tăng 8,66%, trong đó sản xuất bia tăng 8,66%; dệt tăng 27,69%, trong đó sản xuất sợi tăng 23,2%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 42,84%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy bằng gấp 2,4 lần; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 77,78%; sản xuất kim loại tăng 37,53%;...

Chỉ số tồn kho tháng 3/2023 so với tháng trước tăng 20,18% và so với cùng kỳ tăng 13,65%. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng so với cùng kỳ là: sản xuất chế biến thực phẩm tăng 25,72%, trong đó sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản tăng 30,94%; sản xuất trang phục tăng 1,22%; sản xuất da tăng gấp đôi, trong đó sản xuất giày dép tăng 1,3 lần; sản xuất giấy tăng 12,63%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 49,6%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 97,42%; chế biến, chế tạo khác tăng 10,99%, trong đó sản xuất đồ chơi, trò chơi tăng 10,99%;... Bên cạnh đó một số ngành có chỉ số tồn kho giảm so cùng kỳ là: sản xuất đồ uống giảm 100%, trong đó sản xuất bia giảm 100%; dệt giảm 10,5%, trong đó sản xuất hàng may sẵn giảm 40,82%; sản xuất kim loại giảm 9,18%; sản xuất thiết bị điện giảm 53,71%, trong đó sản xuất mô tơ điện giảm 56,91%...

Tình hình thu hút đầu tư và phát triển các khu - cụm công nghiệp:

- ***Khu công nghiệp:*** đến nay tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương quy hoạch 7 khu công nghiệp với tổng diện tích 2.083,5 ha; trong đó có 4

khu công nghiệp được thành lập và đi vào hoạt động. Quý I/2023, thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 02 dự án với tổng vốn đầu tư là 2.648 tỷ đồng (trong đó có 01 dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp). Ngoài ra điều chỉnh giấy kinh doanh cho 04 dự án như: điều chỉnh thông tin nhà đầu tư; tên dự án; vốn góp để thực hiện dự án;...

Đến cuối tháng 3/2023, tổng số dự án tại các khu công nghiệp là 111 dự án (trong đó: có 82 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài) với tổng vốn đầu tư đăng ký là 2,4 tỷ USD và 4.866 tỷ đồng. Diện tích đất đã cho thuê 525,5/753,2 ha, đạt 69,8% diện tích đất công nghiệp cho thuê.

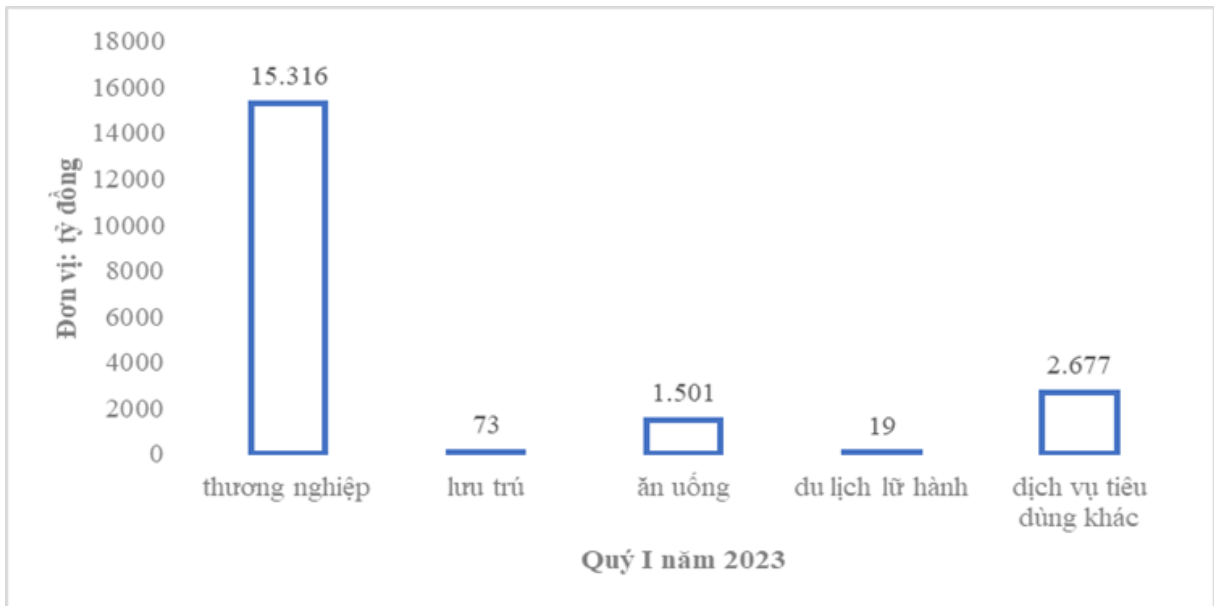
- **Cụm công nghiệp:** trên địa bàn tỉnh có 27 cụm công nghiệp được quy hoạch; trong đó có 5 cụm công nghiệp (CCN) đã mời gọi được nhà đầu tư gồm: CCN Trung An, Tân Mỹ Chánh, An Thạnh, Song Thuận, Gia Thuận 1 đã hoàn thành đầu tư hạ tầng, đang hoạt động ổn định. Trong quý I/2023 không thu hút dự án đầu tư mới. Tổng số dự án đầu tư tại các cụm công nghiệp đến nay là 79 dự án (trong đó: có 6 dự án đầu tư nước ngoài) với tổng vốn đầu tư 150,3 triệu USD và 2.306,2 tỷ đồng, diện tích thuê đất là 88,7 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 73,6% diện tích đất cho thuê.

7. Thương mại, dịch vụ:

a. Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng:

Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng quý I/2023 thực hiện 19.586 tỷ đồng, đạt 27,8% kế hoạch, tăng 9,1% so cùng kỳ. Phân theo ngành kinh tế: thương nghiệp 15.316 tỷ đồng, tăng 5,6%; lưu trú 73 tỷ đồng, tăng 1,2 lần; ăn uống 1.501 tỷ đồng, tăng 23,7%; du lịch lữ hành 19 tỷ đồng, tăng 2,3%; dịch vụ 2.667 tỷ đồng, tăng 21,9% so cùng kỳ. Hoạt động mua bán trên địa bàn tỉnh trong quý I/2023 diễn ra sôi nổi hơn so với các tháng cuối năm 2022, Tết Nguyên đán Quý Mão năm nay rơi vào tháng 01/2023, từ đầu tháng 1/2023 thị trường hàng hóa phục vụ Tết diễn ra sôi nổi, sức mua tại các Siêu thị tăng từ 20-30% so với ngày thường, đặc biệt là ngày thứ Bảy, Chủ nhật của các tuần đầu tháng 01/2023, thời điểm cận Tết Nguyên đán sức mua tăng từ 30-45% so với ngày thường.

Hình 5. Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng



b. Xuất - Nhập khẩu:

Do ảnh hưởng cuộc chiến Nga - U-crai-na tác động lớn đến tình hình kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng cũng đã tác động lớn đến tình hình hoạt động các doanh nghiệp xuất nhập khẩu của tỉnh. Từ quý IV/2022, nhiều doanh nghiệp phải đối mặt với tình trạng nhu cầu thị trường sụt giảm, thiếu đơn hàng, thiếu vốn, khó tiếp cận vốn tín dụng và lãi suất còn duy trì ở mức cao. Ngoài ra khung giá điện bán lẻ bình quân hiện nay tăng sẽ kéo mọi chi phí sản xuất khác tăng theo, giảm khả năng cạnh tranh và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp trong lĩnh vực thủy sản sử dụng nhiều điện để hoạt động cấp đông, trữ đông khi hàng chưa xuất được...

* Xuất khẩu:

Giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa quý I/2023 ước 854 triệu USD, đạt 21,9% kế hoạch, giảm 15,5% so cùng kỳ; trong đó: kinh tế ngoài nhà nước 108 triệu USD, giảm 46,5%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 738 triệu USD, giảm 8,3%; kinh tế nhà nước 8 triệu USD, tăng gấp 2,4 lần so cùng kỳ. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh trong quý I/2023 như sau:

- **Thủy sản:** ước xuất 13.603 tấn, giảm 56,8% so cùng kỳ; với giá trị xuất 39 triệu USD, đạt 9,8% kế hoạch, giảm 63,8% so cùng kỳ.

Tình hình lạm phát thế giới đã tác động mạnh đến các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, đối với mặt hàng cá tra, đây là sản phẩm lợi thế dễ tiêu dùng, giá thấp, có thể đáp ứng yêu cầu dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày, nên vẫn có nhiều lợi thế trong cạnh tranh tại thị trường nước ngoài, dù người tiêu dùng đang thắt chặt chi tiêu ứng phó lạm phát. Theo các chuyên gia, doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sẽ được hưởng lợi khi giá USD tăng cao do phần lớn các giao dịch hiện đều thanh toán bằng USD. Năm 2023, Mỹ vẫn là thị trường chính của doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, chiếm khoảng 60%. Tuy nhiên, các doanh nghiệp thủy sản cũng đang đối mặt cùng lúc 2 sức ép, đó là giảm giá xuất

khẩu để cạnh tranh với sản phẩm nước khác, nhưng phải tăng giá thu mua nguyên liệu do thiếu hụt nguồn cung.

- **Gạo:** ước xuất 32.043 tấn, tăng 37,7% so cùng kỳ; với giá trị 20 triệu USD, đạt 40% kế hoạch, tăng 70,4% so cùng kỳ.

Các đơn hàng xuất khẩu đều được thanh toán bằng đồng USD, do đó biến động tỷ giá USD sẽ giúp cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cải thiện biên lợi nhuận gộp. Đặc thù của ngành gạo là đơn hàng ký kết theo tháng, do đó với những doanh nghiệp nào đã giao hàng rồi sẽ được lợi khi giá USD tăng. Tuy nhiên, đối với những đơn hàng chưa giao thì khách hàng sẽ e ngại, vì tránh tác động USD tăng họ sẽ cân nhắc trong việc thu mua lúa gạo ở giai đoạn khác. Thị trường vẫn còn những khó khăn tiềm ẩn liên quan đến giá cước vận tải biển cao, giá cả đầu vào sản xuất lúa gạo cao cũng như tình hình xung đột chính trị trên thế giới tác động đến giá các mặt hàng lương thực khác. Do vậy, để đảm bảo an ninh lương thực, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cần theo sát tín hiệu từ các thị trường, đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Đặc biệt, doanh nghiệp cần nâng cao chất lượng gạo, đảm bảo các yêu cầu về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, truy xuất nguồn gốc để tận dụng tối đa ưu đãi từ các Hiệp định thương mại tự do...

- **Hàng dệt, may:** ước xuất 12.954 ngàn sản phẩm, giảm 52,6%; trị giá xuất 95 triệu USD, đạt 15,3% kế hoạch, giảm 21% so cùng kỳ.

Hoạt động xuất khẩu hàng dệt, may trong nửa đầu năm 2023, được dự báo sẽ khá trầm lắng trong bối cảnh nhu cầu trên toàn cầu suy giảm, nhiều thị trường chủ lực đối mặt với rủi ro suy thoái kinh tế và lạm phát ở mức cao. Trong đó, lạm phát tăng cao đã và đang khiến người dân hạn chế đáng kể chi tiêu, trong đó may mặc là nhóm hàng bị cắt giảm chi tiêu nhiều. Các doanh nghiệp cho biết số lượng đơn đặt hàng trong quý IV/2022 thấp hơn 25 - 50% so với quý II/2022, chủ yếu do lượng hàng tồn kho tại các thị trường nhập khẩu hiện ở mức cao. Mặc dù nhiều công ty đã nhận đơn đặt hàng cho đến hết quý II/2023 nhưng lượng đơn đặt hàng nhận được vẫn còn cách rất xa so với công suất hoạt động của những công ty này. Các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may có khách hàng tập trung chủ yếu tại Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU) sẽ chịu tác động rõ rệt nhất. Hoạt động xuất khẩu sang Nhật Bản và Hàn Quốc cũng được dự báo có xu hướng giảm nhưng ở mức độ thấp hơn đáng kể.

Ngoài ra, trị giá xuất khẩu một số mặt hàng trong quý I/2023 như: giày dép các loại 172 triệu USD, tăng 5,6%; kim loại thường khác và sản phẩm (kể cả ống đồng) xuất 305 triệu USD, tăng 13,2%; túi xách, ví, vali, mũ và ô dù 37 triệu USD, giảm 46,6%... so cùng kỳ.

* **Nhập khẩu:**

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa quý I/2023 thực hiện 496 triệu USD, đạt 21,6% kế hoạch, giảm 9,5% so cùng kỳ; trong đó: kinh tế ngoài nhà nước 19 triệu USD, giảm 20,6%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 477 triệu USD, giảm 9% so cùng kỳ. Nguyên liệu nhập khẩu chủ yếu các mặt hàng như: nguyên phụ liệu dệt,

may, da, giày 63 triệu USD, giảm 43,4%; hàng hóa khác 41 triệu USD , giảm 49,2%; vải các loại 62 triệu USD, tăng 17,3%... so cùng kỳ.

c. Vận tải:

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải quý I/2023 thực hiện 562,1 tỷ đồng, tăng 18% so cùng kỳ; *trong đó: doanh thu vận tải hành khách thực hiện 156 tỷ đồng, tăng 15,9%; vận tải hàng hóa thực hiện 342 tỷ đồng, tăng 15,1% so cùng kỳ.* Vận tải đường bộ thực hiện 243,3 tỷ đồng, tăng 9,4%; vận tải đường thủy thực hiện 254,3 tỷ đồng, tăng 21,6%; kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải 59 tỷ đồng, tăng 31,2% so cùng kỳ.

Vận chuyển hành khách đạt 3.863 ngàn hành khách, tăng 6,1% so cùng kỳ và luân chuyển được 149.259 ngàn hành khách.km, tăng 14% so cùng kỳ; *trong đó: vận chuyển đường bộ 1.464 ngàn hành khách, tăng 7,5% và luân chuyển 146.037 ngàn hành khách.km, tăng 14,3% so cùng kỳ; vận chuyển đường thủy 2.399 ngàn hành khách.km, tăng 5,2% và luân chuyển đường thủy 3.222 ngàn hành khách.km tăng 3,5% so cùng kỳ.* Nhìn chung, dịch vụ vận tải đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá cũng như đi lại của người dân, kiểm tra các bến xe, đảm bảo an toàn cho hành khách.

Vận tải hàng hóa đạt 4.910 ngàn tấn, tăng 18,2% và luân chuyển được 824.056 ngàn tấn.km, tăng 19,3% so cùng kỳ; *trong đó: vận chuyển đường bộ thực hiện 875 ngàn tấn, tăng 5,8% và luân chuyển được 152.670 ngàn tấn.km, tăng 5,9% so cùng kỳ; vận tải đường thủy thực hiện 4.035 ngàn tấn, tăng 21,2% và luân chuyển được 671.386 ngàn tấn.km, tăng 22,9% so cùng kỳ.*

*** Phương tiện giao thông:** Tổng số xe đang quản lý trên địa bàn tỉnh 1.450.394 chiếc, trong đó mô tô xe máy: 1.401.592 chiếc, 47.659 xe ô tô, 153 xe ba bánh, 423 xe đạp điện và 567 xe khác.

d. Du lịch:

Ước lượng khách du lịch đến tỉnh trong quý I/2023 đạt 179 ngàn lượt, tăng 81,4% so cùng kỳ; trong đó khách quốc tế đạt 11 ngàn lượt, tăng 4,2 lần so cùng kỳ. Doanh thu hoạt động lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành đạt 1.593 tỷ đồng, tăng 27,3 %; trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống chiếm 98,8%. Trật tự tại các khu du lịch được đảm bảo, việc mua bán kinh doanh được sắp xếp ổn định tạo thuận lợi cho du khách đến vui chơi, giải trí. Duy trì thường xuyên công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp chèo kéo khách du lịch, nhắc nhở và hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và an toàn cho khách du lịch.

e. Bưu chính viễn thông:

Quý I/2023, doanh thu dịch vụ bưu chính, viễn thông đạt 975 tỷ đồng, tăng 6,8% so cùng kỳ; *trong đó: doanh thu bưu chính 90 tỷ đồng, tăng 17,5%; doanh thu viễn thông 884 tỷ đồng, tăng 5,8%.*

Tổng số thuê bao điện thoại có trên mạng đến cuối tháng 3/2023 là 121.773 thuê bao (*chỉ tính thuê bao cố định và di động trả sau*); thuê bao điện thoại bình quân đạt 6,84 thuê bao/100 dân. Tổng số thuê bao Internet trên mạng phát triển mới trong quý I/2023 là 39.164 thuê bao; số thuê bao Internet trên mạng có đến tháng 3/2023 là 368.525 thuê bao; mật độ Internet bình quân ước đạt 20,71 thuê bao/100 dân.

Trong quý I/2023, các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông tiếp tục phát triển ổn định: Nhờ đa dạng hoá loại hình dịch vụ, đã góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, phát triển dịch vụ ra khu vực nông thôn. Thông tin liên lạc luôn thông suốt, kịp thời; chất lượng nhận chuyển thư từ, báo chí, bưu phẩm ... được thực hiện đảm bảo chất lượng và thời gian giao nhận.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động, giải quyết việc làm:

Trong quý I năm 2023, thực hiện tư vấn nghề, việc làm, pháp luật lao động và tư vấn khác cho 4.057 lượt lao động, giảm 50,5% so cùng kỳ, đạt 20,3% kế hoạch năm. Trong đó, tư vấn nghề cho 358 lượt lao động; tư vấn việc làm 446 lượt lao động; tư vấn việc làm cho 3.100 lượt lao động thất nghiệp; tư vấn pháp luật lao động và tư vấn khác cho 153 lượt lao động. Giới thiệu việc làm cho 405 lượt lao động, tăng 8,3% so cùng kỳ, trong đó có 121 lao động có được việc làm ổn định, giảm 23,4% so cùng kỳ.

Về trợ cấp thất nghiệp, có 2.917 hồ sơ lao động đăng ký, giảm 62,4% so cùng kỳ; 2.609 lao động được quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, giảm 61% so cùng kỳ, với số tiền chi trả 52,2 tỷ đồng, giảm 57,6% so cùng kỳ.

Về tư vấn đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, có 348 lượt lao động được tư vấn, giảm 9,6% so cùng kỳ; có 08 lao động đăng ký tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, tăng 33,3% so cùng kỳ; có 106 lao động xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài (Nhật Bản 93 người, Đài Loan 12 người, Hoa Kỳ 01 người), tăng 103 lao động so cùng kỳ, đạt 35,3% kế hoạch năm.

Trong quý I năm 2023, trên địa bàn tỉnh ghi nhận 02 vụ ngừng việc tập thể tại 02 doanh nghiệp (01 doanh nghiệp FDI, 01 doanh nghiệp vốn 99% nước ngoài và 1% tư nhân trong nước), tương đương so cùng kỳ, khoảng 550/2.130 người lao động ngừng việc. Trước tình hình đó, các cơ quan chức năng và doanh nghiệp đã tổ chức cuộc đối thoại với người lao động nên các vụ ngừng việc đã được giải quyết ổn thỏa, quan hệ lao động tại các doanh nghiệp hiện đã bình thường trở lại.

Tình hình thiếu việc làm, thất nghiệp:

Theo kết quả sơ bộ điều tra mẫu điều tra lao động việc làm quý I năm 2023, thiếu việc làm chiếm tỷ lệ 7,44%, tăng 1,53 điểm phần trăm so quý trước và tăng 3,03 điểm phần trăm so cùng kỳ năm trước (từ 4,41% năm 2022 lên 7,44% năm 2023), đã làm cho tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị tăng 3,93 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,49 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước (từ 8,29%

năm 2022 lên 9,79% năm 2023). Đối với khu vực nông thôn tỷ lệ thiếu việc làm tăng 0,45 điểm phần trăm so quý trước và tăng 3,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước (từ 2,79% năm 2022 lên 6,39% năm 2023). Tình trạng thiếu việc làm quý I năm 2023 chủ yếu ở khu vực nông thôn (chiếm 59,3% trong tổng số số lao động thiếu việc làm của tỉnh).

Tỷ lệ lao động thất nghiệp trong quý I năm 2023 là 1,87% tăng 0,46 điểm phần trăm so quý trước và giảm 0,06 điểm phần trăm so cùng kỳ năm trước. Nhìn về tỷ lệ thất nghiệp chia theo khu vực thì khu vực thành thị giảm 0,33 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 0,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước (từ 4,19% năm 2022 xuống 3,49% năm 2023). Vì vậy, đã làm cho tỷ lệ thất nghiệp khu vực nông thôn tăng 0,78 điểm phần trăm so quý trước và tăng 0,18 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước (từ 0,95% năm 2022 lên 1,13% năm 2023). Tỷ trọng thất nghiệp ở khu vực thành thị chiếm 58,62% so với tổng số lao động thất nghiệp của toàn tỉnh và giảm 6,9 điểm phần trăm so cùng kỳ năm 2022.

2. Đời sống dân cư và an sinh xã hội:

Bảo trợ xã hội: Tổ chức Đoàn thăm, tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2023 cho 100 gia đình hoàn cảnh khó khăn có người tử vong do dịch Covid-19. Thăm và tặng quà Tết cho người nghèo, hộ nghèo, người cao tuổi 90 tuổi, 100 tuổi và trên 100 tuổi và các gia đình chính sách, trẻ em mồ côi và gia đình có người tử vong do dịch Covid-19.

Giảm nghèo: Quỹ Thiện Tâm - Tập đoàn Vingroup tặng quà Tết năm 2023 cho 1.500 hộ nghèo ở các huyện Tân Phước, Châu Thành, Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phú Đông và Thành phố Mỹ Tho.

3. Hoạt động giáo dục:

Trong quý I năm 2023, hoạt động giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh triển khai đúng theo kế hoạch đề ra, đảm bảo được chất lượng và đạt được nhiều thành tích nổi bật:

Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia THPT vào các ngày 24, 25/02/2023 có 54 thí sinh đăng ký dự thi. Kết quả Tiền Giang có 18 thí sinh đoạt giải, tăng 09 giải so với năm học 2021 - 2022, ở 6 môn thi Toán (02 giải Ba, 01 giải Khuyến khích); Hóa học (01 giải Nhì, 01 giải Ba); Sinh học (01 giải Nhì, 02 giải Ba, 02 giải Khuyến khích); Ngữ văn (01 giải Khuyến khích); Lịch sử (03 giải Khuyến khích); Tiếng Anh (02 giải Ba, 02 giải Khuyến khích). Xếp hạng 4/13 các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long, sau TP. Cần Thơ (25 giải), Đồng Tháp (19 giải) và An Giang (19 giải). Xếp hạng 45/72 đơn vị đăng ký dự thi toàn quốc và tăng 10 bậc.

Tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh THPT năm học 2022-2023 khóa ngày 03/03/2023 có 1.277 thí sinh dự thi tại 02 địa điểm thi gồm trường THPT Nguyễn Đình Chiểu và THCS Xuân Diệu. Kết quả giải nhất: 55 thí sinh (4,3%); giải nhì: 137 thí sinh (10,8%); giải ba: 160 thí sinh (12,6%). Các trường có nhiều học sinh đạt giải gồm: THPT Chuyên (147 giải; 88%), THPT Nguyễn Đình Chiểu

(61 giải; 75,3%), THPT Trương Định (49 giải; 83,1%), THPT Chợ Gạo (47 giải; 56,6%), THPT Cái Bè (42 giải; 77,8%).

Quyết định công nhận trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia (đợt 2 năm học 2022-2023) gồm các trường: THPT Bình Phục Nhút, THCS Phường 3-thị xã Gò Công, THCS Nguyễn Thanh Sơn (huyện Gò Công Tây), THCS Phú Phong (huyện Châu Thành), Tiểu học và THCS Hậu Mỹ Phú, Tiểu học Đình Bộ Lĩnh (TP Mỹ Tho).

4. Hoạt động y tế:

Trong quý I năm 2023 có 09/44 bệnh truyền nhiễm được ghi nhận. So với cùng kỳ về số mắc, có 7 bệnh tăng (Sốt xuất huyết Dengue, Tay - chân - miệng, Thủy đậu, Tiêu chảy, Uốn ván khác, Viêm gan vi rút B, Viêm gan vi rút C); 02 bệnh giảm (Lao phổi, Covid-19); 33 bệnh tương đương hoặc không xảy ra ca mắc; Bệnh HIV/AIDS: 6.502 người nhiễm, 1.819 người chuyển sang AIDS, tử vong do AIDS 1.295 người; Phòng chống bệnh Sốt xuất huyết trong quý I ghi nhận 1.054 ca mắc, tăng 4 lần so cùng kỳ; An toàn thực phẩm: không ghi nhận ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; Hoạt động khám chữa bệnh trong quý: tổng số lần khám bệnh là 1.055.444 lần, tăng 9,2% so cùng kỳ, tổng số người điều trị nội trú 44.575 người, tăng 6,7%, công suất sử dụng giường bệnh bình quân đạt 16,1%.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang (bệnh viện cũ) địa chỉ số 2, Hùng Vương, Phường 1, thành phố Mỹ Tho được dời về bệnh viện mới địa chỉ số 315, quốc lộ 1A, ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho chính thức hoạt động tiếp nhận bệnh nhân đến khám, chữa bệnh từ sáng ngày 13/02/2023, bệnh viện mới có quy mô 1.000 giường, được xây dựng trên diện tích khoảng 10 ha (trong đó diện tích xây dựng hơn 2,3 ha) với tổng mức đầu tư trên 2.350 tỷ đồng. Bệnh viện mới có 18 khoa được di dời gồm: Khám; Nội B; Nhiễm; Nội tim mạch; Ngoại thần kinh; Bỏng - Da liễu; Nội thần kinh; Nội tiết; Cấp cứu; Hồi sức tích cực - Chống độc; Ngoại tổng quát; Phẫu thuật gây mê hồi sức; Chấn thương chỉnh hình; Ung bướu; Hồi sức tích cực - Chống độc nhi; Nhi; Tai - Mũi - Họng; Răng - Hàm - Mặt. Các khoa còn lại sẽ tiếp tục hoạt động ở bệnh viện cũ, tạo điều kiện tốt nhất để điều trị cho bệnh nhân và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

5. Hoạt động văn hóa - thể thao:

Toàn tỉnh hiện có 447.938/473.270 hộ đạt 3 tiêu chuẩn Gia đình văn hóa, đạt 94,7%, tăng 0,4% so cùng kỳ; 1.005/1.005 ấp (khu phố) văn hóa, đạt tỷ lệ 100%; 166/172 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới/phường/thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị; 69 chợ văn hóa; 17 công viên văn hóa; 882 con đường văn hóa, 557 cơ sở thờ tự văn hóa.

Hoạt động văn hóa nghệ thuật: Thực hiện 52 cuộc tuyên truyền lưu động, biểu diễn văn nghệ; 39 suất nhạc nước tại quảng trường Hùng Vương.

Hoạt động thư viện: Diễn ra Hội báo xuân Quý Mão năm 2023 tại Thư viện và một số thư viện, phòng đọc cơ sở. Trong quý, hệ thống Thư viện tỉnh, huyện và phòng đọc cơ sở đã phục vụ hơn 50 nghìn lượt bạn đọc.

Hoạt động bảo tàng: ghi nhận 68.778 lượt khách tham quan; đảm bảo công tác an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ tại các di tích phục vụ Nhân dân đến tham quan, nghiên cứu.

Hoạt động thể dục, thể thao:

- Tổ chức hội thi các môn thể thao dân tộc và Giải Việt dã Báo Ấp Bắc tỉnh Tiền Giang lần thứ 38; Giải Vô địch Võ cổ truyền tỉnh Tiền Giang; Hội thao Ngành Kế hoạch và Đầu tư khu vực Tây Nam Bộ năm 2023; Giải Bóng chuyền hơi nữ CĐVC lần thứ IV tỉnh Tiền Giang năm 2023; Hội thao Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Tiền Giang năm 2023.

- Đoàn thể thao Tiền Giang tham dự 18 giải với tổng số huy chương các môn đạt được là: 06 HCV, 05 HCB, 20 HCD. Trong đó tham dự Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 tại Quảng Ninh với 13 môn, 113 người tham dự 86 nội dung thi đấu, kết quả đạt 05 HCV; 04 HCB; 16 HCD.

6. Tình hình trật tự an toàn xã hội: (Theo báo cáo của ngành Công an):

Trong quý I năm 2023, tình hình trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 207 vụ, làm chết 04 người, bị thương 36 người, tài sản thiệt hại khoảng 3,5 tỷ đồng, tăng 20 vụ (10,7%) so với quý I năm 2022 và giảm 42 vụ (16,9%) so với quý IV năm 2022; điều tra khám phá 167 vụ đạt 81,1%; án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%, bắt xử lý 328 đối tượng, thu hồi tài sản trị giá khoảng 1,34 tỷ đồng.

Tội phạm và vi phạm pháp luật về ma túy: Phát hiện, xử lý 42 vụ với 47 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trái phép chất ma túy và xử lý hành chính 178 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy.

Tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng, chức vụ: Phát hiện, xử lý 37 vụ với 34 đối tượng phạm tội, vi phạm pháp luật về kinh tế, tham nhũng; trong đó, đã khởi tố 10 vụ với 08 bị can (lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ: 01 vụ với 01 bị can; vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên: 02 vụ với 02 bị can; trốn thuế 01 vụ với 01 bị can; tàng trữ, vận chuyển hàng cấm: 03 vụ với 02 bị can; buôn bán hàng cấm: 03 vụ với 02 bị can).

7. Trật tự an toàn giao thông: (Theo báo cáo của ngành Công an):

Tai nạn giao thông đường bộ: trong tháng xảy ra 26 vụ tăng 3 vụ so tháng trước và giảm 28 vụ so cùng kỳ, làm chết 19 người tăng 06 người so tháng trước và giảm 20 người so cùng kỳ, bị thương 15 người tương đương so tháng trước và giảm 08 người so cùng kỳ. Nâng tổng số vụ tai nạn xảy ra từ đầu năm đến nay là 49 vụ làm chết 32 người và bị thương 30 người. Nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông chủ yếu do ý thức chấp hành Luật giao thông đường bộ của người tham gia giao thông như: điều khiển xe khi có rượu bia, phóng nhanh vượt ẩu, không làm chủ tốc độ; không đi đúng phần đường, làn đường; không nhường đường, vượt đèn đỏ, thiếu quan sát.

Tai nạn giao thông đường thủy: Không xảy ra.

Tình hình Tết Dương lịch năm 2023 (31/12/2022 đến ngày 02/01/2023): Tai nạn giao thông đường bộ ghi 01 vụ, chết 01 người, 01 người bị thương. So cùng kỳ giảm 01 vụ, tăng 01 người chết và giảm 01 người bị thương.

Trật tự an toàn giao thông Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 (28/12/2021 đến ngày 05/01/2022 Âm lịch): Trong dịp Tết xảy ra 06 vụ giảm 07 vụ; chết 05 người, giảm 05 người; 02 người bị thương, giảm 04 người.

8. Tình hình cháy nổ, môi trường:

Trong quý I năm 2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 03 vụ cháy, tài sản thiệt hại trị giá khoảng 1,1 tỷ đồng; nguyên nhân do bất cẩn trong sử dụng lửa 02 vụ, đang điều tra 01 vụ. Về lĩnh vực môi trường ghi nhận 03 vụ vi phạm, giảm 06 vụ vi phạm với số tiền phạt: 120 triệu đồng.

9. Thiệt hại do thiên tai:

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh ghi nhận 13 điểm đê bị sạt lở, tăng 13 điểm so cùng kỳ, trên địa bàn huyện Cái Bè và thị xã Cai Lậy với kinh phí thiệt hại là 36,3 tỷ đồng. Nâng tổng số điểm đê sạt lở từ đầu năm là 13 điểm, giảm 37 điểm đê bị sạt lở so cùng kỳ với tổng giá trị thiệt hại là 36,3 tỷ đồng.